

TỔNG HỢP KHÁM SỨC KHỎE TRẺ NĂM HỌC 2024 - 2025

TT	Tên lớp	Số trẻ được khám	Sức khỏe bình thường	Tỉ lệ %	Tổng số trẻ mắc bệnh	Tỉ lệ %	Tên bệnh											
							Da niêm mạc	Tỉ lệ %	Tuần hoàn	Tỉ lệ %	Răng miệng	Tỉ lệ %	Tai mũi họng	Tỉ lệ %	Bệnh về mắt	Tỉ lệ %	Hô hấp	Tỉ lệ %
1	Lớp 5 tuổi A	34	29	85.3	5	14.7	0	0.0	0	0.0	3	8.8	1	2.9	1	2.9	0	0.0
2	Lớp 5 tuổi B	35	29	82.9	6	17.1	0	0.0	0	0.0	4	11.4	2	5.7	0	0.0	0	0.0
3	Lớp 5 Tuổi C	35	30	85.7	5	14.3	0	0.0	0	0.0	3	8.6	2	5.7	0	0.0	0	0.0
Tổng khối 5 tuổi		104	88	84.6	16	15.4	0	0.0	0	0.0	10	9.6	5	4.8	1	1.0	0	0.0
4	Lớp 4 tuổi A	34	28	82.4	6	17.6	0	0.0	0	0.0	3	8.8	3	8.8	0	0.0	0	0.0
5	Lớp 4 tuổi B	34	31	91.2	3	8.8	0	0.0	0	0.0	2	5.9	1	2.9	0	0.0	0	0.0
6	Lớp 4 tuổi C	32	27	84.4	5	15.6	0	0.0	0	0.0	3	9.4	2	6.3	0	0.0	0	0.0
Tổng khối 4 tuổi		100	86	86.0	14	14.0	0	0.0	0	0.0	8	8.0	4	4.0	0	0.0	0	0.0
7	Lớp 3 tuổi A	27	23	85.2	4	14.8	0	0.0	0	0.0	2	7.4	0	0.0	0	0.0	2	7.4
8	Lớp 3 tuổi B	29	26	89.7	3	10.3	1	3.4	0	0.0	2	6.9	0	0.0	0	0.0	0	0.0
9	Lớp 3 tuổi C	27	24	88.9	3	11.1	0	0.0	0	0.0	1	3.7	1	3.7	0	0.0	1	3.7
Tổng khối 3 tuổi		83	73	88.0	10	12.0	1	1.1	0	0.0	5	6.0	1	1.2	0	0.0	3	3.6
Cộng MG		287	247	86.1	40	13.9	1	0.4	0	0.0	23	8.0	10	3.5	1	0.3	3	1.0
10	Nhà trẻ A	25	20	80.0	5	20.0	2	8.0	0	0.0	0	0.0	2	8.0	0	0.0	1	4.0
11	Nhà trẻ B	26	22	84.6	4	15.4	1	3.8	0	0.0	1	3.8	0	0.0	0	0.0	2	7.7
Cộng nhà trẻ		51	42	82.4	9	17.6	3	5.9	0	0.0	1	2.0	2	3.9	0	0.0	3	5.9
Tổng cộng		338	289	85.5	49	14.5	4	1.2	0	0.0	24	7.1	12	3.6	1	0.3	6	1.8

Hoa Thành, ngày 24 tháng 10 năm 2024

Người lập

Phan Thị Hằng

Hiệu trưởng



Lại Thị Hà Ngân